

THU THẬP CHỨNG CỨ ĐIỆN TỬ TRONG CÁC VỤ ÁN XÂM HẠI TÌNH DỤC TRẺ EM

TRẦN VĂN TUÂN* - NGUYỄN THANH MINH**

Tóm tắt: Hiện nay, Việt Nam đang trên đà phát triển mạnh mẽ với sự bùng nổ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 kèm theo đó là sự gia tăng số lượng người dùng mạng Internet. Bên cạnh những thành tựu nổi bật của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 thì cũng xuất hiện nhiều vấn đề ảnh hưởng đến xã hội như ngày càng nhiều đối tượng sử dụng công nghệ cao thực hiện hành vi phạm tội với phương thức thủ đoạn tinh vi hơn, khó phát hiện và truy tìm dấu vết hơn, trong đó có nhóm tội phạm xâm hại tình dục trẻ em.

Từ khóa: Chứng cứ, dữ liệu điện tử; thu thập chứng cứ điện tử; xâm hại tình dục trẻ em

Ngày nhận bài: 29/02/2024; Biên tập xong: 12/8/2024; Duyệt đăng: 26/10/2024

COLLECTING ELECTRONIC EVIDENCE IN CHILD SEXUAL ABUSE CRIMES

Abstract: Vietnam is currently undergoing rapid development with the boom of the 4.0 Industrial Revolution, accompanied by an increasing number of Internet users. Alongside the significant achievements of the 4.0 Industrial Revolution, various social issues have emerged, including the growing use of high-tech criminals committing crimes with more sophisticated tactics that are harder to detect and trace. Among these issues is the rise of child sexual abuse crimes.

Keywords: Evidence, electronic data; electronic evidence collection; child sexual abuse

Received: Feb 29th, 2024; **Editing completed:** Aug 12th, 2024; **Accepted for publication:** Oct 26th, 2024

1. Nhận thức chung về chứng cứ điện tử trong các vụ án xâm hại tình dục trẻ em

Theo quy định của Bộ luật Hình sự hiện hành, các tội xâm hại tình dục trẻ em bao gồm Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi (Điều 142), Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (Điều 144), Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (Điều 145), Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi (Điều 146), Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm (Điều 147), Tội mua bán người dưới 16 tuổi (Điều 151 với mục đích bóc lột tình dục), và một số tình tiết định khung tăng nặng trong các tội loạn luân, mai dâm¹.

Trong đó, hành vi xâm hại tình dục trẻ em là việc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, ép buộc, lôi kéo, dụ dỗ người dưới 16 tuổi tham gia vào các hành vi liên quan đến tình dục, bao gồm hiếp dâm, cưỡng dâm, giao cấu, dâm ô với người dưới 16 tuổi và sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích mai dâm, khiêu dâm dưới mọi hình thức (ví dụ: hoạt động xâm hại tình dục được thực hiện do đồng thuận với người dưới 13 tuổi); do cưỡng bức, do hứa hẹn các lợi ích vật chất (tiền, tài sản) hay các lợi ích phi vật

chất (ví dụ như cho điểm cao, đánh giá tốt, tạo cơ hội tiến bộ...)².

Ngày nay, với sự phát triển nhanh chóng và mạnh mẽ của công nghệ số, hệ thống mạng Internet và kèm theo đó là mạng xã hội được sử dụng rộng rãi trên mọi miền tổ quốc. Đi kèm với những lợi ích to lớn thì môi trường không gian mạng cũng là nơi tiềm ẩn nhiều nguy cơ cho người dùng, đặc biệt là các em nhỏ khi các đối tượng luôn tìm cách để tiếp cận, thực hiện hành vi xâm hại trực tiếp hoặc thông qua môi trường mạng. Những thông tin về quá trình tiếp cận, thực hiện hành vi xâm hại tình dục có thể tồn tại dưới dạng dữ liệu điện tử. Vì vậy, việc thu thập chứng cứ từ dữ liệu điện tử là rất quan trọng trong giải quyết các vụ án này.

Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm

* Email: Trantuan.gvluat@gmail.com

Tiến sĩ, Trưởng bộ môn Luật, Khoa Luật - chính trị, Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải

** Email: Minhnt@utt.edu.vn

Thạc sĩ, Giảng viên Khoa Luật - chính trị, Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải

² Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐTP ngày 01/10/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại các điều 141, 142, 143, 144, 145, 146, 147 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án xâm hại tình dục người dưới 18 tuổi.

¹ Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

2015 xác định dữ liệu điện tử là một trong bảy nguồn chứng cứ và được quy định tại khoản 1 Điều 87. Quy định này giúp cho các cơ quan tố tụng khi thu thập được chứng cứ từ nguồn chặn thu, phục hồi từ dữ liệu bị xóa, thu trên không gian mạng, thu từ các phần mềm, khu vực lưu trữ đám mây (iCloud)... đảm bảo tính nguyên vẹn và hợp pháp của chứng cứ điện tử. Bên cạnh đó, Luật Giao dịch điện tử năm 2023 quy định: “Dữ liệu điện tử là dữ liệu được tạo ra, xử lý, lưu trữ bằng phương tiện điện tử”; “Phương tiện điện tử là phần cứng, phần mềm, hệ thống thông tin hoặc phương tiện khác hoạt động dựa trên công nghệ thông tin, công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học, điện từ hoặc công nghệ khác tương tự”³. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để tiến hành thu thập, sử dụng các dữ liệu điện tử trên thực tế.

Có thể nhận biết chứng cứ điện tử với một số đặc trưng như: luôn gắn với dữ liệu điện tử, thiết bị điện tử hoặc phương tiện điện tử nhất định; có khả năng sao chép y nguyên; có thể bị xóa bỏ bằng thiết bị máy tính, phương tiện điện tử; có thể được khôi phục lại sau khi bị xóa bỏ; chứng cứ điện tử không những được thu trong các phương tiện điện tử mà còn có thể thu được trong không gian mạng. Khi có hoạt động sử dụng công nghệ thông tin, truyền thông sẽ để lại dấu vết mang thông tin về độ tuổi, giới tính, quốc tịch, dân tộc, thói quen, sở thích, các mối quan hệ, hình ảnh cá nhân... của một người nào đó. Những thông tin này có thể do người dùng được cung cấp hoặc cung cấp cho người khác thông qua tin nhắn, cuộc gọi, hình ảnh, video, các bình luận, nhận xét, hoặc cập nhật thông tin cá nhân. Việc để lại thông tin có thể là căn cứ để xác định, chứng minh một hành vi có phải là phạm tội xâm hại tình dục trẻ em hay không.

2. Một số khó khăn, vướng mắc khi thu thập chứng cứ điện tử trong các vụ án xâm hại tình dục trẻ em

Thứ nhất, nhiều đối tượng hiện nay có sự nghiên cứu và dành thời gian để truy cập mạng Internet, đặc biệt là sử dụng các mạng xã hội như Facebook, Zalo, Instagram, Wechat... để tìm kiếm và tiếp cận dụ dỗ, lừa gạt nạn nhân dưới nhiều hình thức khác nhau, đồng thời hạn chế sự tiếp xúc trực tiếp ban đầu với nạn nhân để tránh bị những người xung quanh và lực lượng chức năng phát hiện, ngăn chặn. Lợi dụng mạng Internet, các đối tượng có thể dễ dàng tiếp cận với trẻ em như: Thông qua

mạng xã hội, ứng dụng hẹn hò để kết bạn, làm quen, tạo dựng lòng tin, sau đó dụ dỗ trẻ em cho xem hình ảnh nhạy cảm hoặc đề nghị gặp gỡ để quan hệ, xâm hại tình dục. Một số đối tượng thông qua mạng xã hội, làm quen, đặt vấn đề quan hệ tình cảm hoặc hứa hẹn cho tiền, quà để dụ dỗ, đe dọa, ép buộc trẻ em trình diễn khiêu dâm qua mạng. Khi lấy được hình ảnh riêng tư, nhạy cảm của trẻ, các đối tượng đe dọa, ép buộc trẻ quan hệ tình dục. Một số trường hợp các đối tượng có được thông tin, hình ảnh cá nhân hoặc hình ảnh, clip trẻ bị xâm hại tình dục, các đối tượng thậm chí còn đăng tải lên không gian mạng gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm, tinh thần, cuộc sống riêng của trẻ và gia đình. Với những phương thức, thủ đoạn trên, ít có trường hợp phát hiện được ngay từ ban đầu, chỉ đến khi sự việc xảy ra rồi mới bị phát hiện, lúc này truy tìm đối tượng, thu thập dữ liệu cũng như ngăn chặn, khắc phục hậu quả rất khó khăn.

Thứ hai, nạn nhân trong các vụ xâm hại tình dục là các em nhỏ, có nhận thức chưa đầy đủ, còn nhiều sự tò mò về bản thân và thế giới xung quanh nên rất dễ bị các đối tượng lợi dụng, thực hiện hành vi xâm hại. Nhiều trường hợp các em nhỏ không biết mình bị xâm hại, hoặc thậm chí có tình cảm với đối tượng nên tìm cách che giấu, bảo vệ cho đối tượng⁴. Một đối tượng phạm tội có thể thực hiện hành vi với trẻ em ở nhiều địa phương khác nhau, nên khó khăn trong việc thu thập thông tin, lấy lời khai, đối chiếu số liệu. Hầu hết các bị hại sử dụng mạng Internet, mạng viễn thông nhưng lại thiếu các kiến thức cần thiết về bảo mật thông tin, chưa có kiến thức về tự bảo vệ mình trước nguy cơ bị xâm hại tình dục cũng như phương thức, thủ đoạn phạm tội. Vì vậy, trên thực tế gặp nhiều khó khăn trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm hại tình dục trẻ em và sẽ càng khó khăn hơn đối với những trường hợp tội phạm sử dụng mạng Internet để tiếp cận, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc nạn nhân.

Thứ ba, chứng cứ điện tử được thu thập từ các thiết bị điện tử như máy tính, điện thoại di động, máy tính bảng, camera... Chúng có thể là các tài liệu, hình ảnh, video, âm thanh hoặc bất kỳ dữ liệu nào khác được lưu trữ và truyền

³ Khoản 2, 7 Điều 3 Luật Giao dịch điện tử năm 2023.

⁴ Trần Văn Tuân, “Mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm xâm hại tình dục người dưới 16 tuổi”, *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, số chuyên đề số 4 (66)/2023, tr. 20-27.

tài qua mạng Internet. Với sự phát triển của công nghệ, chứng cứ điện tử đã trở thành một phương tiện quan trọng trong việc thu thập và chứng minh trong các vụ án xâm hại tình dục trẻ em.

Việc thu thập chứng cứ điện tử trong các vụ án đòi hỏi những yêu cầu rất chặt chẽ về mặt trình tự, cách thức tiến hành. Không giống các loại nguồn chứng cứ khác theo quy định của BLTTHS năm 2015, dữ liệu điện tử là một nguồn chứng cứ đặc biệt, với các đặc điểm như: không trực tiếp nhìn được bằng mắt thường mà phải thông qua các phương tiện điện tử để thể hiện ra dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự được tạo ra, lưu trữ, truyền đi hoặc nhận được bởi phương tiện điện tử; dễ bị ẩn hay biến mất do bộ nhớ bị đè, bị thay đổi bởi chức năng hoặc hoạt động thông thường của thiết bị; có thể bị thay đổi hoặc bị phá hủy do trong quá trình sử dụng, các thiết bị điện tử luôn thay đổi trạng thái bộ nhớ theo yêu cầu của người sử dụng. Dữ liệu điện tử được thu thập thông qua các phương tiện điện tử, mạng máy tính, mạng viễn thông, trên đường truyền và các nguồn điện tử khác. Vì vậy, chứng cứ điện tử có những thách thức cho cơ quan tiến hành tố tụng về việc bảo quản tính nguyên vẹn của chứng cứ do chúng dễ bị đánh cắp, biến mất hoặc bị thay đổi. Bên cạnh đó, nhiều dữ liệu điện tử được lưu giữ trong điện thoại thông minh (Smartphone), người dùng có thể đặt mật khẩu cho điện thoại và cho một số ứng dụng phần mềm để tăng tính bảo mật. Việc này đôi khi lại gây khó khăn cho quá trình thu thông tin qua tin nhắn, lịch sử cuộc gọi, email, danh bạ, hình ảnh lưu trong điện thoại và các dữ liệu cá nhân khác phục vụ cho việc giải quyết vụ án.

Hiện nay, nhiều đối tượng sử dụng mạng Internet (phổ biến là thông qua mạng xã hội), mạng viễn thông để tiếp cận nạn nhân và thực hiện hành vi như: Dụ dỗ, lôi kéo, ép buộc trẻ em tự chụp, quay lại cảnh trình diễn khiêu dâm của mình sau đó phát tán hoặc đe dọa phát tán để thực hiện hành vi xâm hại tình dục tiếp sau đó; Dụ dỗ, lôi kéo, ép buộc trẻ em khóa thân và truyền tải trực tiếp âm thanh, hình ảnh qua đường truyền Internet... thì việc phát hiện, thu thập chứng cứ điện tử rất khó khăn một phần do trang thiết bị hiện có tại các cơ quan tiến hành tố tụng chưa đáp ứng được, nhiều cán bộ chưa được tiếp xúc và sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật, công nghệ hiện đại.

Không chỉ lưu giữ thông tin trên các phương tiện, một số đối tượng còn lưu trữ dữ liệu online thông qua các máy chủ đặt ở nước

ngoài như Google Drive, OneDrive, Dropbox... nếu muốn thu thập dữ liệu điện tử dạng này phải có sự phối hợp của nhà cung cấp dịch vụ. Việc này rất khó khăn vì phải qua kênh hợp tác quốc tế trong khi có sự khác biệt về pháp luật giữa các quốc gia, về chính sách bảo mật của nhà cung cấp dịch vụ và quy định về sự can thiệp của chính phủ các nước để yêu cầu các bên cung cấp thông tin khách hàng nên yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng có thể bị từ chối.

3. Một số đề xuất nâng cao hiệu quả thu thập chứng cứ điện tử trong các vụ án xâm hại tình dục trẻ em

Thứ nhất, hoàn thiện quy định của pháp luật về thu thập dữ liệu điện tử. Trong bối cảnh bùng nổ của khoa học công nghệ toàn cầu, nhiều đối tượng thực hiện hành vi phạm tội sử dụng công nghệ cao thì việc đưa dữ liệu điện tử vào quy định của BLTTHS năm 2015 là rất cần thiết. Đây là cơ sở pháp lý vững chắc để cơ quan tiến hành tố tụng đấu tranh với tội phạm. Theo quy định tại khoản 3 Điều 99 BLTTHS năm 2015 thì: “3. *Giá trị chứng cứ của dữ liệu điện tử được xác định căn cứ vào cách thức khởi tạo, lưu trữ hoặc truyền gửi dữ liệu điện tử; cách thức bảo đảm và duy trì tính toàn vẹn của dữ liệu điện tử; cách thức xác định người khởi tạo và các yếu tố phù hợp khác*”. Quy định phản ánh tương đối đầy đủ tính chất, đặc điểm của nguồn chứng cứ này.

Tuy nhiên, quy định “Giá trị chứng cứ của dữ liệu điện tử được xác định căn cứ vào...” thì những căn cứ xác định tại khoản 3 Điều 99 đều là yếu tố về mặt kỹ thuật. Để phát hiện, thu thập, lưu giữ dữ liệu điện tử thì đương nhiên phải có những biện pháp kỹ thuật và phải do những người có kiến thức, kinh nghiệm chuyên môn thực hiện. Nhưng nếu xét ở góc độ khoa học pháp lý và lý luận về chứng cứ thì quy định về giá trị chứng cứ của dữ liệu điện tử như vậy chưa đầy đủ, chưa phù hợp. Vì chứng cứ phải có đủ 03 thuộc tính là tính khách quan, tính hợp pháp, tính liên quan; giá trị của chứng cứ được xác định thông qua việc xem xét chứng cứ đó đóng vai trò như thế nào trong quá trình chứng minh. Tức là, giá trị chứng cứ của dữ liệu điện tử phụ thuộc vào 02 yếu tố “Đáp ứng đủ thuộc tính của chứng cứ” và “Đáp ứng yếu tố về mặt khoa học kỹ thuật” (Được căn cứ vào cách thức khởi tạo, lưu trữ hoặc truyền gửi dữ liệu điện tử; cách thức bảo đảm và duy trì tính toàn vẹn của dữ liệu điện tử; cách thức xác định người khởi tạo và các yếu tố phù hợp khác). Việc quy định “Giá trị chứng minh của dữ liệu điện tử được xác định

căn cứ vào...” vô hình chung đã quy định giá trị của chứng cứ chỉ phụ thuộc vào yếu tố về mặt khoa học kỹ thuật. Từ những phân tích trên, tác giả đề xuất sửa đổi quy định tại khoản 3 Điều 99 BLTTHS năm 2015 thành: “3. Giá trị chứng minh của dữ liệu điện tử được xác định căn cứ vào cách thức khởi tạo, lưu trữ hoặc truyền gửi dữ liệu điện tử; cách thức *thu thập*, bảo đảm và duy trì tính toàn vẹn của dữ liệu điện tử; cách thức xác định người khởi tạo và các yếu tố phù hợp khác”.

Bên cạnh đó, khó khăn trong việc truy cập điện thoại thông minh khi người dùng không cung cấp mật khẩu để thu thập thông tin qua tin nhắn, lịch sử cuộc gọi, email, danh bạ, hình ảnh lưu trong điện thoại và các dữ liệu cá nhân khác phục vụ cho việc giải quyết vụ án cần phải được tháo gỡ bằng cách ban hành các quy định cụ thể như yêu cầu bên thứ ba hỗ trợ trong việc truy cập vào smartphone mà không cần mật khẩu hoặc quy định cụ thể hình thức xử lý đối với người tham gia tố tụng nếu họ từ chối cung cấp mật khẩu truy cập smartphone và các ứng dụng.

Thứ hai, BLTTHS năm 2015 dành một chương riêng quy định về các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt (chương 16 gồm 06 điều từ Điều 223 đến Điều 228), bao gồm các hoạt động: Ghi âm bí mật; ghi hình bí mật; nghe điện thoại bí mật; thu thập bí mật dữ liệu điện tử. Nhưng việc đánh giá, sử dụng chứng cứ có được từ các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt chưa được quy định rõ ràng. Trong số 07 nguồn chứng cứ được quy định tại Điều 87 BLTTHS năm 2015 thì kết quả của biện pháp điều tra thu thập bí mật dữ liệu điện tử được xếp vào nguồn chứng cứ dữ liệu điện tử. Nhưng các hoạt động ghi âm, ghi hình bí mật, nghe điện thoại bí mật thì kết quả thu được là các file hình ảnh, âm thanh được lưu giữ trong một thiết bị; nếu coi đó là dữ liệu điện tử thì việc thu thập, bảo quản phải theo quy định tại Điều 107 BLTTHS năm 2015, như vậy sẽ không đảm bảo về mặt kỹ thuật lập pháp vì một hoạt động nhưng được quy định tại hai phần khác nhau và chưa có sự phân định giữa hai hình thức điều tra công khai và bí mật đối với nguồn chứng cứ này; nếu coi đó là các nguồn chứng cứ khác thì cũng không phản ánh đúng bản chất của loại nguồn chứng cứ đặc biệt này. BLTTHS năm 2015 cũng không quy định rõ việc thu thập, đánh giá chứng cứ từ biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt như thế nào. Điều này sẽ gây khó khăn cho quá trình áp dụng pháp luật. Vì vậy, chúng tôi đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định về các biện pháp điều

tra tố tụng đặc biệt trong BLTTHS năm 2015 theo hướng bổ sung các quy định về nguồn chứng cứ thu được từ biện pháp điều tra tố tụng, đặc biệt là dữ liệu điện tử, vì hình thức và phương tiện thể hiện của ghi âm bí mật; ghi hình bí mật, nghe điện thoại bí mật đều là các tệp âm thanh, hình ảnh được lưu giữ trên các thiết bị; bổ sung các quy định về cách thức thu thập, bảo quản, đánh giá chứng cứ từ các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

Từ những phân tích trên về những hạn chế trong quy định của pháp luật tố tụng, chúng tôi đề xuất các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nghiên cứu xây dựng một văn bản riêng về chứng cứ. Trong đó có những quy định về khái niệm chứng cứ, nguồn chứng cứ, chủ thể đánh giá chứng cứ; quy định về nguyên tắc đánh giá, sử dụng chứng cứ; cách thức thu thập chứng cứ nói chung và với các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt nói riêng; quy định về quy trình đánh giá chứng cứ; việc sử dụng chứng cứ trong các vụ án có yếu tố nước ngoài, các vụ án có pháp nhân thương mại phạm tội...

Ngày 18/6/2019 Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC) ban hành Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐTP về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ, theo đó thì “*Án lệ là những lập luận, phán quyết trong bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án về một vụ việc cụ thể được Hội đồng Thẩm phán TANDTC lựa chọn và được Chánh án TANDTC công bố là án lệ để các Tòa án nghiên cứu, áp dụng trong xét xử*”⁵. Từ đó đến nay, TANDTC đã ban hành rất nhiều án lệ trong các lĩnh vực khác nhau. Các án lệ trong lĩnh vực hình sự có giá trị là cơ sở để các Tòa án nghiên cứu, áp dụng trong xét xử các vụ án hình sự. Tuy nhiên, thực tế cho thấy toàn bộ quá trình tố tụng là quá trình chứng minh, trong đó đánh giá chứng cứ là hoạt động khó khăn và phức tạp nhất của quá trình này. Đánh giá chứng cứ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả, chất lượng giải quyết các vụ án; các quyết định tố tụng có đúng hay không, có chất lượng hay không phụ thuộc vào kết quả đánh giá chứng cứ. Vì vậy, chúng tôi đề xuất bổ sung một phần phân tích riêng về quá trình đánh giá chứng cứ trong án lệ để làm cơ sở nghiên cứu và áp dụng trong các vụ án tương tự.

Thứ ba, thực hiện đúng thao tác, trình tự, yêu cầu kỹ thuật trong thu giữ chứng cứ điện

⁵ Điều 1 Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐTP ngày 18/6/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ.

từ. Khi tiến hành thu thập chứng cứ điện tử, ngoài những trình tự thủ tục bắt buộc phải thực hiện trong thu thập chứng cứ nói chung còn phải thực hiện theo các quy trình thu giữ, bảo quản phức tạp bởi tính đặc thù của loại chứng cứ này. Các dữ liệu điện tử được tạo ra và tự động lưu giữ lại trong bộ nhớ máy tính hoặc thiết bị số trong một thời gian nhất định một cách khách quan không phụ thuộc vào ý chí của người tạo ra nó. Dữ liệu về người dùng hoặc nạn nhân được lưu giữ trên các thiết bị như máy tính, điện thoại thông minh, máy tính bảng có kết nối Internet, máy ảnh, ổ cứng ngoài. Những dữ liệu này có thể trực tiếp chứng minh hành vi phạm tội như: tin nhắn văn bản, hình ảnh, video, bản ghi âm... ngoài ra có những dữ liệu có khả năng chứng minh sự liên quan của người dùng với hành vi xâm hại tình dục như: thông tin người gửi, người nhận; danh tính, vị trí của người sử dụng dữ liệu.

Hoạt động đầu tiên của quá trình thu thập là tìm kiếm, phát hiện dữ liệu điện tử. Việc tìm kiếm dữ liệu thường bắt đầu bằng cách kiểm tra máy tính, phương tiện điện tử. Đặc điểm của dữ liệu điện tử là dễ bị thay đổi, phá hủy nên trong quá trình khám xét, khám nghiệm hiện trường, thu giữ vật chứng cần hết sức thận trọng và tiến hành ghi nhận, lưu giữ ngay khi phát hiện. Tuy nhiên cách thức thu thập trên từng thiết bị và nền tảng công nghệ chứa chứng cứ điện tử khác nhau nên Điều tra viên cần chuẩn bị trước về nguồn nhân lực và kỹ thuật cần thiết để phản ứng kịp thời với các tình huống. Để hoạt động này được tiến hành đạt hiệu quả cao, cần lưu ý các thao tác không được làm thay đổi thông tin được lưu trong các phương tiện điện tử. Trong trường hợp phải tiếp cận với thông tin gốc được lưu giữ trong các thiết bị thì phải cử chuyên gia được đào tạo về lĩnh vực này thực hiện. Việc sao lưu phải được thực hiện đúng quy trình, phải sử dụng các thiết bị và phần mềm được thế giới công nhận và có thể kiểm chứng được. Cần chú ý các văn bản, hình ảnh, nội dung email, các đoạn chat, các dữ liệu phản ánh việc upload, download dữ liệu... của đối tượng xâm hại tình dục trẻ em.

Dữ liệu điện tử trong các vụ án được thu thập thông qua hoạt động khám xét, thu giữ vật chứng, khám nghiệm hiện trường. Đối với các vụ án xâm hại tình dục trẻ em, có thể thu được dữ liệu điện tử khi chúng tồn tại dưới dạng đọc được, nghe được, nhìn thấy được giữa đối tượng xâm hại tình dục và nạn nhân,

giữa các đối tượng với nhau, giữa đối tượng hoặc nạn nhân với người làm chứng, thường phản ánh nội dung trò chuyện, gạ gẫm, tán tỉnh, dụ dỗ, lừa phỉnh, mua chuộc, dọa nạt để ép buộc nạn nhân hoặc phản ánh thông tin sau khi tội phạm đã hoàn thành, lưu giữ hình ảnh, video về vụ việc, kể lại với người thứ ba,... Các thông tin này thường xuất hiện trong các tin nhắn, cuộc gọi, ảnh, video, các đoạn chat hoặc bình luận trong Facebook, Zalo, Viber, WhatsApp... Các dữ liệu này được lưu giữ trong máy tính; điện thoại (di động, cố định); các thiết bị lưu trữ (ổ cứng di động SSD, HDD, USB, USB 3G, Smart Card, MP3, MP4, media PC, thẻ nhớ, đĩa CD, DVD, VCD...); các thiết bị số (máy đọc thẻ từ; thẻ chip; máy fax; camera an ninh...); các thiết bị ngoại vi đi kèm; các không gian lưu trữ khác như trên mạng (máy chủ, website, cơ sở dữ liệu cung cấp dữ liệu, dấu vết điện tử đang lưu trên server: logfile, IP, bài viết, ảnh, clip, email, chat, tin nhắn, siêu dữ liệu, mã độc, domain, account, passwords, thông tin tài khoản ngân hàng, email, nick name, account, rút list điện thoại di động, nội dung đàm thoại... Trong từng trường hợp, cần thực hiện đúng trình tự kỹ thuật để thu thập một cách hiệu quả nhất. Ví dụ:

Đối với máy tính bàn đang hoạt động cần tiến hành chụp màn hình, sau đó ngắt kết nối với nguồn điện tắt đột ngột bằng cách tắt nguồn điện phía sau máy, rút dây nguồn điện (nối với máy tính) để tránh làm mất dữ liệu; Không được sử dụng bàn phím, chuột; Thu giữ tất cả các cáp nối, thiết bị ngoại vi, bàn phím và màn hình, thu tài liệu hướng dẫn.

Đối với laptop đang hoạt động cần tiến hành chụp màn hình, sau đó cần tháo pin ra để tắt máy, không dùng lệnh "Shut down"; Dán niêm phong bảo vệ vị trí có ổ đĩa, khe cắm USB hoặc ổ cắm điện vào máy; Thu giữ tất cả các cáp nối, thiết bị ngoại vi, thu tài liệu hướng dẫn.

Đối với điện thoại thông minh (Smart phone, máy tính bảng) có tính năng kết nối Wifi, Bluetooth nên cần đưa vào trạng thái ngắt kết nối để tránh việc truy cập từ xa hoặc phát sinh các cuộc gọi, tin nhắn trong quá trình thu giữ. Nếu máy đang tắt thì không được bật lên (để bảo đảm tuổi thọ của pin); Nên sạc điện liên tục cho đến khi việc kiểm tra hoàn tất và dữ liệu đã được sao lưu để bảo vệ dữ liệu trong máy; Nếu máy có cài mật khẩu thì nên giữ ở trạng thái hoạt động và tiến hành kiểm tra ngay. Quá trình thu giữ kèm theo thu hướng dẫn sử dụng thiết bị, dây sạc (nguồn),

các thiết bị ngoại vi.

Đối với các camera an ninh cần tham khảo ý kiến của nhân viên phụ trách hệ thống camera an ninh trước khi thu giữ. Trường hợp không có chuyên gia, cần đảm bảo an toàn dữ liệu đã ghi, tránh bị ghi đè. Trước khi thu giữ thiết bị, phải chụp ảnh, vẽ sơ đồ hệ thống và camera cần thu, ghi nhận đầy đủ các thông số cần thiết.

Thu thập dữ liệu điện tử cần kiểm soát để đảm bảo chứng cứ có đầy đủ các thuộc tính, có nguồn gốc rõ ràng, không bị làm cho sai lệch, biến dạng, đã được tìm thấy và đang lưu trên các phương tiện điện tử, trên đường truyền hoặc máy chủ. Mọi hoạt động thu thập, bảo quản phải được ghi vào biên bản, niêm phong theo đúng quy định, không bị tác động, can thiệp làm thay đổi. Bên cạnh đó, quá trình thu thập dữ liệu điện tử cần đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc như: Không làm thay đổi thông tin lưu giữ trong các thiết bị; cần có chuyên gia thực hiện việc thu thập, phục hồi dữ liệu điện tử khi tiếp cận các thông tin gốc được lưu giữ trong thiết bị; sử dụng các thiết bị và phần mềm được công nhận và có thể kiểm chứng được khi thực hiện việc sao chép dữ liệu; đảm bảo các thuộc tính của chứng cứ để có thể sử dụng trong quá trình tố tụng...

Thứ tư, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về các đối tượng có tiền sử xâm hại tình dục trẻ em và được lưu giữ trong hệ thống cơ sở dữ liệu toàn ngành để các địa phương có thể truy cập, thu thập thông tin nhanh chóng. Cơ sở dữ liệu lạm dụng tình dục trẻ em (ICSE) được INTERPOL xây dựng từ năm 2009, hệ thống này sử dụng phần mềm so sánh ảnh để tìm ra mối liên hệ giữa nạn nhân bị xâm hại tình dục và nơi xảy ra vụ việc nhằm nhận dạng, định vị, phát hiện, bắt giữ đối tượng thực hiện hành vi xâm hại hoặc giải cứu nạn nhân. Hiện nay, INTERPOL và các nước thành viên vẫn đang tiến hành chia sẻ, cập nhật thông tin, truyền tải dữ liệu vào Hệ thống ICSE thông qua các hoạt động phát hiện, thu thập, xác minh, điều tra và thu giữ các tài liệu liên quan đến xâm hại tình dục trẻ em do các đối tượng lưu trữ hoặc đăng tải lên không gian mạng. Thông qua dữ liệu được chia sẻ trên hệ thống, các quốc gia có thể sử dụng để phát hiện, xác minh, điều tra các đối tượng một cách nhanh chóng, ngăn chặn hành vi xâm hại đang hoặc sắp diễn ra. Đây là một hoạt động rất thiết thực trong đấu tranh phòng, chống các hành vi xâm hại tình dục trẻ em. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và

sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, Việt Nam cần tiếp tục có những hoạt động tích cực trong xây dựng Hệ thống ICSE, đồng thời cần nghiên cứu phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu trong nước về các đối tượng có tiền sử xâm hại tình dục trẻ em, tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương khi tra cứu, tìm kiếm thông tin phục vụ cho quá trình phát hiện, xử lý các hành vi xâm hại tình dục trẻ em.

Bên cạnh đó, việc triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử là các biện pháp quản lý dân cư hữu ích trong thời kỳ chuyển đổi số. Đây cũng là một trong những phương thức giúp cơ quan tiến hành tố tụng truy xét đối tượng nhanh hơn. Vì vậy, trong thời gian tới, các cơ quan chức năng cần tiếp tục phát triển và hoàn thiện hệ thống quản lý dân cư nhằm đảm bảo tính chính xác, đồng nhất và thuận tiện nhất trong quá trình sử dụng./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;
2. Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;
3. Nguyễn Đức Hạnh, "Dữ liệu điện tử và chứng cứ điện tử", *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, số chuyên đề 1 (30)/2019, tr. 37-42;
4. Nguyễn Đức Hạnh, "Mối quan hệ giữa dữ liệu điện tử và các nguồn chứng cứ khác trong tố tụng hình sự", *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, số 02 (28)/2019, tr. 17-21;
5. Nguyễn Lộc, "Vấn đề chứng cứ điện tử trong các vụ án xâm hại tình dục trẻ em", *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, số 06/2018, tr. 61-66;
6. Luật Giao dịch điện tử năm 2023;
7. Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐTP ngày 01/10/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại các điều 141, 142, 143, 144, 145, 146, 147 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án xâm hại tình dục người dưới 18 tuổi;
8. Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐTP ngày 18/6/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ;
9. Trần Công Phàn, "Tội phạm xâm hại tình dục trẻ em tại Việt Nam", *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, số chuyên đề 1/2019, tr. 3-7;
10. Trần Văn Tuân, "Mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm xâm hại tình dục người dưới 16 tuổi", *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, số 4 (66)/2023, tr. 20-27.